

Số: 5566 /QĐ-BNN-VPĐP

Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2014

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi  
chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT ngày 13 tháng 11 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn trình tự, thủ tục, hồ sơ xét công nhận và công bố xã, huyện, tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương và Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này 09 thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29/12/2014.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Chánh Văn phòng Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm soát TTHC);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Trung tâm Tin học và Thống kê;
- Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, VPĐP. (85b).



**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH THUỘC PHẠM VI CHỨC  
NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 5566 /QĐ-BNN-VPĐP ngày 25 /12/2014  
của Bộ trưởng Bộ Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn)

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH  
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ  
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
<b>A. Thủ tục hành chính cấp Trung ương</b>			
1	Công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới	Lĩnh vực chung	Thủ tướng Chính phủ
2	Đăng ký tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới	Lĩnh vực chung	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
3	Công nhận tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới	Lĩnh vực chung	Thủ tướng Chính phủ
4	Công nhận lại huyện đạt chuẩn nông thôn mới	Lĩnh vực chung	Thủ tướng Chính phủ
5	Công nhận lại tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới	Lĩnh vực chung	Thủ tướng Chính phủ
<b>B. Thủ tục hành chính cấp tỉnh</b>			
1	Đăng ký huyện đạt chuẩn nông thôn mới	Lĩnh vực chung	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
2	Công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới	Lĩnh vực chung	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
3	Công nhận lại xã đạt chuẩn nông thôn mới	Lĩnh vực chung	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
<b>C. Thủ tục hành chính cấp huyện</b>			
1	Đăng ký xã đạt chuẩn nông thôn mới	Lĩnh vực chung	Ủy ban nhân dân cấp huyện

**PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH  
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ  
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

✍

## **A. Thủ tục hành chính cấp Trung ương**

### **Lĩnh vực chung**

## **I. Công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới**

### **1. Trình tự thực hiện**

a) Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện tổ chức tự đánh giá và xây dựng báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới; tổ chức lấy ý kiến tham gia về kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới; tổ chức họp để thống nhất đề nghị xét công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới; hoàn thiện hồ sơ và nộp đề nghị thẩm tra, xét công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới trước ngày 20 tháng 11 hàng năm.

b) UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là UBND cấp tỉnh) tổ chức thẩm tra, xây dựng báo cáo kết quả thẩm hồ sơ và mức độ đạt tiêu chí huyện nông thôn mới; tổng hợp và công bố danh sách các huyện đủ điều kiện đề nghị xét công nhận đạt chuẩn trên các phương tiện phát thanh, truyền hình của tỉnh để lấy ý kiến nhân dân trên địa bàn tỉnh; tổ chức lấy ý kiến về kết quả thẩm tra; tổ chức họp để thống nhất đề nghị xét công nhận huyện đạt chuẩn; hoàn thiện hồ sơ và nộp đề nghị thẩm định, xét công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới trước ngày 05 tháng 12 hàng năm.

c) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thẩm định hồ sơ, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới trước ngày 15 tháng 12 hàng năm.

**2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc theo đường bưu điện.

### **3. Thành phần, số lượng hồ sơ**

a) Hồ sơ UBND huyện nộp đề nghị thẩm tra, xét công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới

- Thành phần hồ sơ:

Tờ trình của UBND huyện đề nghị thẩm tra, xét công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính - ban hành kèm theo Mẫu số 2.3 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT ngày 13/11/2014);

Tổng hợp danh sách các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn huyện (bản chính - ban hành kèm theo Mẫu số 8.1 tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT ngày 13/11/2014);

Báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới (bản chính - ban hành kèm theo Mẫu số 3.2 tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT ngày 13/11/2014);

Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức và nhân dân trên địa bàn huyện về kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới (bản

chính - ban hành kèm theo Mẫu số 4.2 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT ngày 13/11/2014);

Biên bản họp đề nghị xét công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính - ban hành kèm theo Mẫu số 5.3 tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT ngày 13/11/2014).

- Số lượng: 02 bộ hồ sơ.

b) Hồ sơ UBND cấp tỉnh nộp đề nghị thẩm định, xét công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới

- Thành phần hồ sơ:

Tờ trình của UBND cấp tỉnh đề nghị thẩm định, xét công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính - ban hành kèm theo Mẫu số 2.4 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT ngày 13/11/2014);

Báo cáo thẩm tra hồ sơ và kết quả đạt các tiêu chí huyện nông thôn mới cho từng huyện (bản chính - ban hành kèm theo Mẫu số 6.2 tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT ngày 13/11/2014);

Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức và nhân dân trên địa bàn tỉnh về kết quả thẩm tra mức độ đạt các tiêu chí huyện nông thôn mới cho từng huyện (bản chính - ban hành kèm theo Mẫu số 7.2 tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT ngày 13/11/2014);

Biên bản cuộc họp đề nghị xét công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính - ban hành kèm theo Mẫu số 5.4 tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT ngày 13/11/2014).

(Kèm theo hồ sơ UBND huyện nộp để thẩm tra)

- Số lượng: 01 bộ hồ sơ.

#### **4. Thời hạn giải quyết**

a) Thời gian UBND cấp tỉnh hoàn thành thẩm tra, nộp hồ sơ đề nghị thẩm định, xét công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới trước ngày 05 tháng 12 hàng năm. Trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị xét công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới của UBND huyện, UBND cấp tỉnh trả lời bằng văn bản cho UBND huyện về kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt các tiêu chí huyện nông thôn mới; trường hợp huyện chưa được đề nghị xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới phải nêu rõ lý do.

b) Thời gian Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoàn thành thẩm định hồ sơ, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới trước ngày 15 tháng 12 hàng năm. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị xét công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới của UBND cấp tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trả lời bằng văn bản cho UBND cấp tỉnh, huyện về kết quả thẩm định hồ



sơ, đề nghị xét công nhận huyện đạt chuẩn; trường hợp huyện chưa được đề nghị xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới phải nêu rõ lý do.

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân huyện và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**

a) Người có thẩm quyền quyết định: Thủ tướng Chính phủ.

b) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

**8. Lệ phí:** Không.

**9. Tên mẫu đơn, tờ khai:** Có.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

a) Quyết định số 372/QĐ-TTg ngày 14/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc xét công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới;

b) Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT ngày 13/11/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn trình tự, thủ tục, hồ sơ xét công nhận và công bố xã, huyện, tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới.

**II. Đăng ký tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới**

**1. Trình tự thực hiện**

a) UBND tỉnh nộp văn bản đăng tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới trước ngày 20 tháng 12 của năm liền kề trước năm đánh giá.

b) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, xác nhận văn bản đăng ký tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới đối với tỉnh đã có 60% số huyện đạt chuẩn tính đến thời điểm đăng ký và có đủ điều kiện phấn đấu đạt chuẩn trong năm đánh giá.

**2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc theo đường bưu điện.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ**

a) Thành phần hồ sơ: Văn bản đăng ký tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính - ban hành kèm theo Mẫu số 1.3 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT ngày 13/11/2014).

b) Số lượng: 02 bản.

**4. Thời hạn giải quyết:** Thời gian Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoàn thành xác nhận văn bản đăng ký tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới và trả

kết quả là năm (05) ngày kể từ ngày nhận được đăng ký của UBND tỉnh; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân tỉnh.

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Xác nhận văn bản đăng ký tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới.

**8. Lệ phí:** Không.

**9. Tên mẫu đơn, tờ khai:** Có.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

a) Quyết định số 372/QĐ-TTg ngày 14/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc xét công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới;

b) Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT ngày 13/11/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn trình tự, thủ tục, hồ sơ xét công nhận và công bố xã, huyện, tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới.

### **III. Công nhận tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới**

#### **1. Trình tự thực hiện**

a) UBND tỉnh tổ chức tự đánh giá và xây dựng báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí tỉnh nông thôn mới; tổ chức lấy ý kiến tham gia về kết quả thực hiện các tiêu chí tỉnh nông thôn mới; tổ chức họp để thống nhất đề nghị xét công nhận tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới; hoàn thiện hồ sơ và nộp đề nghị thẩm định, xét công nhận tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới trước ngày 15 tháng 12 hàng năm.

b) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thẩm định hồ sơ, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định công nhận tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới trước ngày 25 tháng 12 hàng năm.

**2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc theo đường bưu điện.

#### **3. Thành phần, số lượng hồ sơ**

a) Thành phần hồ sơ

Tờ trình của UBND tỉnh đề nghị thẩm định, xét công nhận tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính - ban hành kèm theo Mẫu số 2.5 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT ngày 13/11/2014);

Tổng hợp danh sách các huyện đã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh (bản chính - ban hành kèm theo Mẫu số 8.2 tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT ngày 13/11/2014);



Báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí tỉnh nông thôn mới (bản chính - ban hành kèm theo Mẫu số 3.3 tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT ngày 13/11/2014);

Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức và nhân dân trên địa bàn tỉnh về kết quả thực hiện các tiêu chí tỉnh nông thôn mới (bản chính - ban hành kèm theo Mẫu số 4.3 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT ngày 13/11/2014);

Biên bản cuộc họp đề nghị xét công nhận tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính - ban hành kèm theo Mẫu số 5.5 tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT ngày 13/11/2014).

b) Số lượng: 01 bộ hồ sơ.

**4. Thời hạn giải quyết:** Thời gian Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoàn thành thẩm định hồ sơ, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định công nhận tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới trước ngày 25 tháng 12 hàng năm. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị xét công nhận tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới của UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trả lời bằng văn bản cho UBND tỉnh về kết quả thẩm định hồ sơ, đề nghị xét công nhận tỉnh đạt chuẩn; trường hợp tỉnh chưa được đề nghị xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới phải nêu rõ lý do.

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân tỉnh.

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**

a) Người có thẩm quyền quyết định: Thủ tướng Chính phủ.

b) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định công nhận tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới.

**8. Lệ phí:** Không.

**9. Tên mẫu đơn, tờ khai:** Có.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

a) Quyết định số 372/QĐ-TTg ngày 14/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc xét công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới;

b) Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT ngày 13/11/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn trình tự, thủ tục, hồ sơ xét công nhận và công bố xã, huyện, tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới.

*h*

## **IV. Công nhận lại huyện đạt chuẩn nông thôn mới**

### **1. Trình tự thực hiện**

a) UBND huyện tổ chức rà soát, đánh giá và xây dựng báo cáo kết quả mức độ đạt các tiêu chí huyện nông thôn mới; tổ chức lấy ý kiến tham gia về kết quả mức độ đạt các tiêu chí huyện nông thôn mới; tổ chức họp để thống nhất đề nghị xét công nhận lại huyện đạt chuẩn nông thôn mới; hoàn thiện hồ sơ và nộp đề nghị thẩm tra, xét công nhận lại huyện đạt chuẩn nông thôn mới trước ngày 20 tháng 11 hàng năm.

b) UBND cấp tỉnh tổ chức thẩm tra và xây dựng báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt tiêu chí huyện nông thôn mới; tổng hợp và công bố danh sách các huyện đủ điều kiện đề nghị xét công nhận lại huyện đạt chuẩn trên các phương tiện phát thanh, truyền hình của tỉnh để lấy ý kiến nhân dân trên địa bàn tỉnh; tổ chức lấy ý kiến về kết quả thẩm tra; tổ chức họp để thống nhất đề nghị xét công nhận lại huyện đạt chuẩn; hoàn thiện hồ sơ và nộp đề nghị thẩm định, xét công nhận lại huyện đạt chuẩn nông thôn mới trước ngày 05 tháng 12 hàng năm.

c) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thẩm định hồ sơ, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định công nhận lại huyện đạt chuẩn nông thôn mới trước ngày 15 tháng 12 hàng năm.

**2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc theo đường bưu điện.

### **3. Thành phần, số lượng hồ sơ**

a) Hồ sơ UBND huyện nộp đề nghị thẩm tra, xét công nhận lại huyện đạt chuẩn nông thôn mới

- Thành phần hồ sơ:

Tờ trình của UBND huyện đề nghị thẩm tra, xét công nhận lại huyện đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính - ban hành kèm theo Mẫu số 2.3 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT ngày 13/11/2014);

Tổng hợp danh sách các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn huyện (bản chính - ban hành kèm theo Mẫu số 8.1 tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT ngày 13/11/2014);

Báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới (bản chính - ban hành kèm theo Mẫu số 3.2 tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT ngày 13/11/2014);

Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức và nhân dân trên địa bàn huyện về kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới (bản chính - ban hành kèm theo Mẫu số 4.2 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT ngày 13/11/2014);

*l*



Biên bản cuộc họp đề nghị xét công nhận lại huyện đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính - ban hành kèm theo Mẫu số 5.3 tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT ngày 13/11/2014).

- Số lượng: 02 bộ hồ sơ.

b) Hồ sơ UBND cấp tỉnh nộp đề nghị thẩm định, xét công nhận lại huyện đạt chuẩn nông thôn mới

- Thành phần hồ sơ:

Tờ trình của UBND cấp tỉnh đề nghị thẩm định, xét công nhận lại huyện đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính - ban hành kèm theo Mẫu số 2.4 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT ngày 13/11/2014);

Báo cáo thẩm tra hồ sơ và kết quả đạt các tiêu chí huyện nông thôn mới cho từng huyện (bản chính - ban hành kèm theo Mẫu số 6.2 tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT ngày 13/11/2014);

Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức và nhân dân trên địa bàn tỉnh về kết quả thẩm tra mức độ đạt các tiêu chí huyện nông thôn mới cho từng huyện (bản chính - ban hành kèm theo Mẫu số 7.2 tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT ngày 13/11/2014);

Biên bản cuộc họp đề nghị xét công nhận lại huyện đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính - ban hành kèm theo Mẫu số 5.4 tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT ngày 13/11/2014).

(Kèm theo hồ sơ UBND huyện nộp để thẩm tra)

- Số lượng: 01 bộ hồ sơ.

#### **4. Thời hạn giải quyết**

a) Thời gian UBND cấp tỉnh hoàn thành thẩm tra, nộp hồ sơ đề nghị thẩm định, xét công nhận lại huyện đạt chuẩn nông thôn mới trước ngày 05 tháng 12 hàng năm. Trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị xét công nhận lại huyện đạt chuẩn nông thôn mới của UBND huyện, UBND cấp tỉnh trả lời bằng văn bản cho UBND huyện về kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt các tiêu chí huyện nông thôn mới; trường hợp huyện chưa được đề nghị xét công nhận lại huyện đạt chuẩn nông thôn mới phải nêu rõ lý do.

b) Thời gian Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoàn thành thẩm định hồ sơ, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định công nhận lại huyện đạt chuẩn nông thôn mới trước ngày 15 tháng 12 hàng năm. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị xét công nhận lại huyện đạt chuẩn nông thôn mới của UBND cấp tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trả lời bằng văn bản cho UBND cấp tỉnh, huyện về kết quả thẩm định hồ sơ, đề nghị xét công nhận lại huyện đạt chuẩn; trường hợp huyện chưa được đề nghị xét công nhận lại đạt chuẩn nông thôn mới phải nêu rõ lý do.



**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân huyện và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**

a) Người có thẩm quyền quyết định: Thủ tướng Chính phủ.

b) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định công nhận lại huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

**8. Lệ phí:** Không.

**9. Tên mẫu đơn, tờ khai:** Có.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

a) Quyết định số 372/QĐ-TTg ngày 14/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc xét công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới;

b) Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT ngày 13/11/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn trình tự, thủ tục, hồ sơ xét công nhận và công bố xã, huyện, tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới.

**V. Công nhận lại tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới**

**1. Trình tự thực hiện**

a) UBND tỉnh tổ chức rà soát, đánh giá và xây dựng báo cáo kết quả mức độ đạt các tiêu chí tỉnh nông thôn mới; tổ chức lấy ý kiến tham gia về kết quả mức độ đạt các tiêu chí tỉnh nông thôn mới; tổ chức họp để thống nhất đề nghị xét công nhận lại tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới; hoàn thiện hồ sơ và nộp đề nghị thẩm định, xét công nhận lại tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới trước ngày 15 tháng 12 hàng năm.

b) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thẩm định hồ sơ, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định công nhận lại tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới trước ngày 25 tháng 12 hàng năm.

**2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc theo đường bưu điện.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ**

a) Thành phần hồ sơ

Tờ trình của UBND tỉnh đề nghị thẩm định, xét công nhận lại tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính - ban hành kèm theo Mẫu số 2.5 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT ngày 13/11/2014);



Tổng hợp danh sách các huyện đã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh (bản chính - ban hành kèm theo Mẫu số 8.2 tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT ngày 13/11/2014);

Báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí tỉnh nông thôn mới (bản chính - ban hành kèm theo Mẫu số 3.3 tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT ngày 13/11/2014);

Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức và nhân dân trên địa bàn tỉnh về kết quả thực hiện các tiêu chí tỉnh nông thôn mới (bản chính - ban hành kèm theo Mẫu số 4.3 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT ngày 13/11/2014);

Biên bản cuộc họp đề nghị xét công nhận lại tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính - ban hành kèm theo Mẫu số 5.5 tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT ngày 13/11/2014).

b) Số lượng: 01 bộ hồ sơ.

**4. Thời hạn giải quyết:** Thời gian Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoàn thành thẩm định hồ sơ, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định công nhận lại tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới trước ngày 25 tháng 12 hàng năm. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị xét công nhận lại tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới của UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trả lời bằng văn bản cho UBND tỉnh về kết quả thẩm định hồ sơ, đề nghị xét công nhận lại tỉnh đạt chuẩn; trường hợp tỉnh chưa được đề nghị xét công nhận lại tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới phải nêu rõ lý do.

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân tỉnh.

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**

a) Người có thẩm quyền quyết định: Thủ tướng Chính phủ.

b) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định công nhận lại tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới.

**8. Lệ phí:** Không.

**9. Tên mẫu đơn, tờ khai:** Có.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

a) Quyết định số 372/QĐ-TTg ngày 14/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc xét công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới;

b) Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT ngày 13/11/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn trình tự, thủ tục, hồ sơ xét công nhận và công bố xã, huyện, tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới.

## **B. Thủ tục hành chính cấp tỉnh**

### **Lĩnh vực chung**

#### **I. Đăng ký huyện đạt chuẩn nông thôn mới**

##### **1. Trình tự thực hiện**

a) UBND huyện nộp văn bản đăng huyện đạt chuẩn nông thôn mới trước ngày 15 tháng 12 của năm liền kề trước năm đánh giá.

b) UBND cấp tỉnh xem xét, xác nhận văn bản đăng ký huyện đạt chuẩn nông thôn mới đối với huyện đã có 50% số xã đạt chuẩn tính đến thời điểm đăng ký và có đủ điều kiện phấn đấu đạt chuẩn trong năm đánh giá.

**2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc theo đường bưu điện.

##### **3. Thành phần, số lượng hồ sơ**

a) Thành phần hồ sơ: Văn bản đăng ký huyện đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính - ban hành kèm theo Mẫu số 1.2 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT ngày 13/11/2014).

b) Số lượng: 02 bản.

**4. Thời hạn giải quyết:** Thời gian UBND cấp tỉnh hoàn thành xác nhận văn bản đăng ký huyện đạt chuẩn nông thôn mới và trả kết quả là năm (05) ngày kể từ ngày nhận được đăng ký của UBND huyện; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân huyện.

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** xác nhận văn bản đăng ký huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

**8. Lệ phí:** Không.

**9. Tên mẫu đơn, tờ khai:** Có.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

##### **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

a) Quyết định số 372/QĐ-TTg ngày 14/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc xét công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới;

b) Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT ngày 13/11/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn trình tự, thủ tục, hồ sơ xét công nhận và công bố xã, huyện, tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới.



## **II. Công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới**

### **1. Trình tự thực hiện**

a) UBND xã tổ chức tự đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí (trước ngày 01 tháng 9 hàng năm) và xây dựng báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí; tổ chức lấy ý kiến tham gia về kết quả thực hiện các tiêu chí; tổ chức họp để thống nhất đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới; hoàn thiện hồ sơ đề nghị thẩm tra, xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới trước ngày 25 tháng 9 hàng năm.

b) UBND huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là UBND cấp huyện) tổ chức thẩm tra và xây dựng báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ, mức độ đạt từng tiêu chí; tổng hợp và công bố danh sách các xã đủ điều kiện đề nghị xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới trên các phương tiện phát thanh, truyền hình của huyện để lấy ý kiến nhân dân trên địa bàn huyện; tổ chức lấy ý kiến về kết quả thẩm tra; tổ chức họp để thống nhất đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn; hoàn thiện hồ sơ và nộp đề nghị thẩm định, xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới trước ngày 20 tháng 10 hàng năm.

c) UBND cấp tỉnh tổ chức thẩm định và xây dựng báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ, mức độ đạt tiêu chí của xã; tổ chức họp để thống nhất xét công nhận xã đạt chuẩn; hoàn thiện hồ sơ để Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới trước ngày 10 tháng 11 hàng năm.

**2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc theo đường bưu điện.

### **3. Thành phần, số lượng hồ sơ**

a) Hồ sơ UBND xã nộp đề nghị thẩm tra, xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới

- Thành phần hồ sơ:

Tờ trình của UBND xã đề nghị thẩm tra, xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính - ban hành kèm theo Mẫu số 2.1 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT ngày 13/11/2014);

Báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn xã (bản chính - ban hành kèm theo Mẫu số 3.1 tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT ngày 13/11/2014);

Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia của các tổ chức, đoàn thể xã và nhân dân trong xã về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới của xã (bản chính - ban hành kèm theo Mẫu số 4.1 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT ngày 13/11/2014);

Biên bản cuộc họp đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính - ban hành kèm theo Mẫu số 5.1 tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT ngày 13/11/2014).

- Số lượng: 02 bộ hồ sơ.

b) Hồ sơ UBND cấp huyện nộp đề nghị thẩm định, xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới

- Thành phần hồ sơ:

Tờ trình của UBND cấp huyện đề nghị thẩm định, xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính - ban hành kèm theo Mẫu số 2.2 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT ngày 13/11/2014);

Báo cáo thẩm tra hồ sơ và kết quả đạt từng tiêu chí nông thôn mới cho từng xã (bản chính - ban hành kèm theo Mẫu số 6.1 tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT ngày 13/11/2014);

Báo cáo tổng hợp ý kiến của các cơ quan, tổ chức và nhân dân trên địa bàn huyện tham gia vào kết quả thẩm tra mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới cho từng xã (bản chính - ban hành kèm theo Mẫu số 7.1 tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT ngày 13/11/2014);

Biên bản cuộc họp đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính - ban hành kèm theo Mẫu số 5.2 tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT ngày 13/11/2014).

(Kèm theo hồ sơ UBND xã nộp để thẩm tra)

- Số lượng: 01 bộ hồ sơ.

#### **4. Thời hạn giải quyết**

a) Thời gian UBND cấp huyện hoàn thành thẩm tra, nộp hồ sơ đề nghị thẩm định, xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới trước ngày 20 tháng 10 hàng năm. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới của UBND xã, UBND cấp huyện trả lời bằng văn bản cho UBND xã về kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt từng tiêu chí; trường hợp xã chưa được đề nghị xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới phải nêu rõ lý do.

b) Thời gian UBND cấp tỉnh hoàn thành thẩm định, Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh trước ngày 10 tháng 11 hàng năm. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới của UBND cấp huyện, UBND cấp tỉnh trả lời bằng văn bản cho UBND cấp huyện, xã về kết quả thẩm định hồ sơ và mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới của từng xã trên địa bàn từng huyện; trường hợp xã chưa được đề nghị xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới phải nêu rõ lý do.

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân xã và Ủy ban nhân dân cấp huyện.

#### **6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**

a) Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới.

**8. Lệ phí:** Không.

**9. Tên mẫu đơn, tờ khai:** Có.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

a) Quyết định số 372/QĐ-TTg ngày 14/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc xét công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới;

b) Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT ngày 13/11/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn trình tự, thủ tục, hồ sơ xét công nhận và công bố xã, huyện, tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới.

### **III. Công nhận lại xã đạt chuẩn nông thôn mới**

#### **1. Trình tự thực hiện**

a) UBND xã tổ chức rà soát, đánh giá kết quả mức độ đạt các tiêu chí (trước ngày 01 tháng 9 hàng năm) và xây dựng báo cáo kết quả mức độ đạt các tiêu chí; tổ chức lấy ý kiến tham gia về kết quả mức độ đạt các tiêu chí; tổ chức họp để thống nhất đề nghị xét công nhận lại xã đạt chuẩn nông thôn mới; hoàn thiện hồ sơ đề nghị thẩm tra, xét công nhận lại xã đạt chuẩn nông thôn mới trước ngày 25 tháng 9 hàng năm.

b) UBND cấp huyện tổ chức thẩm tra và xây dựng báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ, mức độ đạt các tiêu chí; tổng hợp và công bố danh sách các xã đủ điều kiện đề nghị xét công nhận lại đạt chuẩn nông thôn mới trên các phương tiện phát thanh, truyền hình của huyện để lấy ý kiến nhân dân trên địa bàn huyện; tổ chức lấy ý kiến về kết quả thẩm tra; tổ chức họp để thống nhất đề nghị xét công nhận lại xã đạt chuẩn; hoàn thiện hồ sơ và nộp đề nghị thẩm định, xét công nhận lại xã đạt chuẩn nông thôn mới trước ngày 20 tháng 10 hàng năm.

c) UBND cấp tỉnh tổ chức thẩm định và xây dựng báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ, mức độ đạt các tiêu chí của xã; tổ chức họp để thống nhất xét công nhận lại xã đạt chuẩn; hoàn thiện hồ sơ để Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định công nhận lại xã đạt chuẩn nông thôn mới trước ngày 10 tháng 11 hàng năm.

**2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc theo đường bưu điện.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ**

a) Hồ sơ UBND xã nộp đề nghị thẩm tra, xét công nhận lại xã đạt chuẩn nông thôn mới

- Thành phần hồ sơ:

Tờ trình của UBND xã đề nghị thẩm tra, xét công nhận lại xã đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính - ban hành kèm theo Mẫu số 2.1 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT ngày 13/11/2014);

Báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn xã (bản chính - ban hành kèm theo Mẫu số 3.1 tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT ngày 13/11/2014);

Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia của các tổ chức, đoàn thể xã và nhân dân trong xã về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới của xã (bản chính - ban hành kèm theo Mẫu số 4.1 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT ngày 13/11/2014);

Biên bản cuộc họp đề nghị xét công nhận lại xã đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính - ban hành kèm theo Mẫu số 5.1 tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT ngày 13/11/2014).

- Số lượng: 02 bộ hồ sơ.

b) Hồ sơ UBND cấp huyện nộp đề nghị thẩm định, xét công nhận lại xã đạt chuẩn nông thôn mới

- Thành phần hồ sơ:

Tờ trình của UBND cấp huyện đề nghị thẩm định, xét công nhận lại xã đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính - ban hành kèm theo Mẫu số 2.2 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT ngày 13/11/2014);

Báo cáo thẩm tra hồ sơ và kết quả đạt từng tiêu chí nông thôn mới cho từng xã (bản chính - ban hành kèm theo Mẫu số 6.1 tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT ngày 13/11/2014);

Báo cáo tổng hợp ý kiến của các cơ quan, tổ chức và nhân dân trên địa bàn huyện tham gia vào kết quả thẩm tra mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới cho từng xã (bản chính - ban hành kèm theo Mẫu số 7.1 tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT ngày 13/11/2014);

Biên bản cuộc họp đề nghị xét công nhận lại xã đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính - ban hành kèm theo Mẫu số 5.2 tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT ngày 13/11/2014).

(Kèm theo hồ sơ UBND xã nộp để thẩm tra)

- Số lượng: 01 bộ hồ sơ.

#### **4. Thời hạn giải quyết**

a) Thời gian UBND cấp huyện hoàn thành thẩm tra, nộp hồ sơ đề nghị thẩm định, xét công nhận lại xã đạt chuẩn nông thôn mới trước ngày 20 tháng 10 hàng năm. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề





ng nghị xét công nhận lại xã đạt chuẩn nông thôn mới của UBND xã, UBND cấp huyện trả lời bằng văn bản cho UBND xã về kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt từng tiêu chí; trường hợp xã chưa được đề nghị xét công nhận lại đạt chuẩn nông thôn mới phải nêu rõ lý do.

b) Thời gian UBND cấp tỉnh hoàn thành thẩm định, Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định công nhận lại xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh trước ngày 10 tháng 11 hàng năm. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị xét công nhận lại xã đạt chuẩn nông thôn mới của UBND cấp huyện, UBND cấp tỉnh trả lời bằng văn bản cho UBND cấp huyện, xã về kết quả thẩm định hồ sơ và mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới của từng xã trên địa bàn từng huyện; trường hợp xã chưa được đề nghị xét công nhận lại đạt chuẩn nông thôn mới phải nêu rõ lý do.

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân xã và Ủy ban nhân dân cấp huyện.

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**

a) Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định công nhận lại xã đạt chuẩn nông thôn mới.

**8. Lệ phí:** Không.

**9. Tên mẫu đơn, tờ khai:** Có.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

a) Quyết định số 372/QĐ-TTg ngày 14/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc xét công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới;

b) Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT ngày 13/11/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn trình tự, thủ tục, hồ sơ xét công nhận và công bố xã, huyện, tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới.

**C. Thủ tục hành chính cấp huyện**

**Lĩnh vực chung**

**I. Đăng ký xã đạt chuẩn nông thôn mới**

**1. Trình tự thực hiện**

a) UBND xã nộp văn bản đăng xã đạt chuẩn nông thôn mới trước ngày 10 tháng 12 của năm liền kề trước năm đánh giá.

✓

b) UBND cấp huyện xem xét, xác nhận văn bản đăng ký xã đạt chuẩn nông thôn mới đối với xã đã đạt chuẩn 14 tiêu chí trở lên tính đến thời điểm đăng ký và có đủ điều kiện phấn đấu đạt chuẩn trong năm đánh giá.

**2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc theo đường bưu điện.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ**

a) Thành phần hồ sơ: Văn bản đăng ký xã đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính - ban hành kèm theo Mẫu số 1.1 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT ngày 13/11/2014).

b) Số lượng: 02 bản.

**4. Thời hạn giải quyết:** Thời gian UBND cấp huyện hoàn thành xác nhận văn bản đăng ký xã đạt chuẩn nông thôn mới và trả kết quả là năm (05) ngày kể từ ngày nhận được đăng ký của UBND xã; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân xã.

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân cấp huyện.

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Xác nhận văn bản đăng ký xã đạt chuẩn nông thôn mới.

**8. Lệ phí:** Không.

**9. Tên mẫu đơn, tờ khai:** Có.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

a) Quyết định số 372/QĐ-TTg ngày 14/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc xét công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới;

b) Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT ngày 13/11/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn trình tự, thủ tục, hồ sơ xét công nhận và công bố xã, huyện, tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới./.

*t*

**Phụ lục I**  
**MẪU ĐĂNG KÝ XÃ, HUYỆN, TỈNH ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI**  
*(Kèm theo Thông tư số: 40/2014/TT-BNNPTNT ngày 13/11/2014*  
*của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

---

**Mẫu số 1.1**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**XÃ .....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:           /UBND-.....  
V/v đăng ký “Xã đạt chuẩn nông  
thôn mới” năm .....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện ....., tỉnh/thành phố .....

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Tính đến tháng ..... năm ....., xã ..... có số tiêu chí nông thôn mới đã đạt chuẩn theo quy định là...../.....(tổng số) tiêu chí, đạt .....% (so với quy định tại Quyết định số 372/QĐ-TTg ngày 14/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ, ..... ) và có đủ điều kiện phấn đấu xã đạt chuẩn nông thôn mới trong năm .....

Trên cơ sở khối lượng và tiến độ thực hiện hoàn thành các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn xã, Ủy ban nhân dân xã ..... (huyện ....., tỉnh/thành phố ..... ) đăng ký và cam kết thực hiện hoàn thành các tiêu chí nông thôn mới theo quy định trong năm ..... để được công nhận “Xã đạt chuẩn nông thôn mới” năm .....

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân huyện/thị xã/thành phố....., tỉnh/thành phố ..... xem xét, xác nhận./.

**XÁC NHẬN CỦA UBND HUYỆN .....**

**CHỦ TỊCH**

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**TM. UBND XÃ**

**CHỦ TỊCH**

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

*B*

**Mẫu số 1.2**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN .....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-.....  
V/v đăng ký “Huyện đạt chuẩn  
nông thôn mới” năm .....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố .....

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Tính đến tháng ..... năm ....., huyện ..... có số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới là ...../..... (tổng số) xã, đạt .....% (so với quy định tại Quyết định số 372/QĐ-TTg ngày 14/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ, .....)  
và có đủ điều kiện phấn đấu huyện đạt chuẩn nông thôn mới trong năm .....

Trên cơ sở khối lượng và tiến độ thực hiện hoàn thành các tiêu chí huyện nông thôn mới trên địa bàn huyện, Ủy ban nhân dân huyện ..... (tỉnh/thành phố .....)  
đăng ký và cam kết thực hiện hoàn thành các tiêu chí nông thôn mới theo quy định trong năm ..... để được công nhận “Huyện đạt chuẩn nông thôn mới” năm .....

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ..... xem xét, xác nhận./.

**XÁC NHẬN CỦA UBND TỈNH/THÀNH PHỐ ....**

**CHỦ TỊCH**

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**TM. UBND HUYỆN .....**

**CHỦ TỊCH**

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

*✍*

**Mẫu số 1.3**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**TỈNH .....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Cố gắng xây dựng .....  
nông thôn mới” năm .....

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Tính đến tháng ..... năm ....., tỉnh ..... có số huyện đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới là...../..... (tổng số) huyện, đạt .....% (so với quy định tại Quyết định số 372/QĐ-TTg ngày 14/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ, ..... ) và có đủ điều kiện phấn đấu tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới trong năm.....

Trên cơ sở khối lượng và tiến độ thực hiện hoàn thành các tiêu chí tỉnh nông thôn mới trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh ..... đăng ký và cam kết thực hiện hoàn thành các tiêu chí nông thôn mới theo quy định trong năm ..... để được công nhận “Tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới” năm .....

Kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, xác nhận./.

**XÁC NHẬN CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP**  
**VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**KT. BỘ TRƯỞNG**

**THỨ TRƯỞNG**

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**TM. UBND TỈNH .....**

**CHỦ TỊCH**

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)



**Phụ lục II**  
**MẪU TỜ TRÌNH ĐỀ NGHỊ THẨM TRA, THẨM ĐỊNH XÃ, HUYỆN,**  
**TỈNH ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI**  
(Kèm theo Thông tư số: 40/2014/TT-BNNPTNT ngày 13/11/2014  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**Mẫu số 2.1**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**XÃ .....**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../TT-UBND

....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**TỜ TRÌNH**  
**Về việc thẩm tra, đề nghị xét công nhận xã .....  
đạt chuẩn nông thôn mới năm .....**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện ....., tỉnh .....

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);  
Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);  
Căn cứ Quyết định ..... phê duyệt Đề án xây dựng nông thôn mới của xã  
..... và Báo cáo số ...../BC-UBND ngày ...../...../20..... của UBND xã  
..... về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn xã.....;  
Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày ...../...../20..... của UBND xã .....  
đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới.....

UBND xã ..... kính trình UBND huyện ..... thẩm tra, đề nghị xét  
công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới năm .....

Hồ sơ kèm theo Tờ trình, gồm có:

1. Báo cáo..... kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn xã  
(bản chính - kèm theo biểu chi tiết kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới).
2. Báo cáo..... tổng hợp ý kiến tham gia của các tổ chức, đoàn thể xã  
và nhân dân trong xã về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới của xã  
(bản chính).
3. Biên bản cuộc họp..... đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn nông  
thôn mới (bản chính).

Kính đề nghị UBND huyện ..... (tỉnh .....) xem xét, thẩm tra./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- .....
- .....
- Lưu: VT, .....

**TM. UBND XÃ .....**

**CHỦ TỊCH**

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

*E*

**Mẫu số 2.2**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN .....**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../TTr-UBND

....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**TỜ TRÌNH**

**Về việc thẩm định, xét công nhận xã .....  
đạt chuẩn nông thôn mới năm .....**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố .....

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Căn cứ Báo cáo số ...../BC-UBND ngày ...../...../20..... của UBND huyện ..... về thẩm tra hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới cho xã .....

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày ...../...../20..... của UBND huyện ..... đề nghị xét công nhận xã ..... đạt chuẩn nông thôn mới.....

UBND huyện ..... kính trình UBND tỉnh/thành phố ..... thẩm định, xét công nhận xã ..... đạt chuẩn nông thôn mới năm .....

Hồ sơ kèm theo Tờ trình, gồm có:

1. Báo cáo..... thẩm tra hồ sơ và kết quả đạt từng tiêu chí nông thôn mới cho xã (bản chính - kèm theo biểu chi tiết thẩm tra mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới cho xã).

2. Báo cáo..... tổng hợp ý kiến các cơ quan, tổ chức và nhân dân trên địa bàn huyện tham gia vào kết quả thẩm tra mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới cho xã (bản chính).

3. Biên bản cuộc họp..... đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính).

(Kèm theo bộ hồ sơ của UBND xã trình UBND cấp huyện thẩm tra)

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ..... xem xét, thẩm định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- .....

- .....

- Lưu: VT, .....

**TM. UBND HUYỆN .....**

**CHỦ TỊCH**

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

*(Chữ ký)*

**Mẫu số 2.3**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN .....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../TTr-UBND

....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**TỜ TRÌNH**

**Về việc thẩm tra, đề nghị xét công nhận huyện .....  
đạt chuẩn nông thôn mới năm .....**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố .....

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);  
Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);  
Căn cứ Báo cáo số ...../BC-UBND ngày ...../...../20..... của  
UBND huyện ..... về kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới trên  
địa bàn huyện;

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày ...../...../20..... của UBND huyện  
..... đề nghị xét công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

UBND huyện ..... kính trình UBND tỉnh/thành phố .....  
thẩm tra, đề nghị xét công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới năm .....

Hồ sơ kèm theo Tờ trình, gồm có:

1. Tổng hợp danh sách các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn  
huyện (bản chính).

2. Báo cáo..... kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới (bản  
chính - kèm theo biểu chi tiết kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới).

3. Báo cáo..... tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức và  
nhân dân trên địa bàn huyện về kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới  
(bản chính).

4. Biên bản cuộc họp..... đề nghị xét công nhận huyện đạt chuẩn nông  
thôn mới (bản chính).

Kính đề nghị UBND tỉnh/thành phố ..... xem xét, thẩm tra./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- .....
- .....
- Lưu: VT, .....

**TM. UBND HUYỆN .....**

**CHỦ TỊCH**

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)





**Mẫu số 2.4**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH .....**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**TỜ TRÌNH**

**Về việc thẩm định, đề nghị xét công nhận huyện .....  
đạt chuẩn nông thôn mới năm .....**

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Căn cứ Báo cáo số ...../BC-UBND ngày ...../...../20..... của UBND tỉnh/thành phố ..... về thẩm tra hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới cho huyện .....

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày ...../...../20..... của UBND tỉnh..... đề nghị xét công nhận huyện ..... đạt chuẩn nông thôn mới.

UBND tỉnh ..... kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, đề nghị xét công nhận huyện ..... đạt chuẩn nông thôn mới năm .....

Hồ sơ kèm theo Tờ trình, gồm có:

1. Báo cáo..... thẩm tra hồ sơ và kết quả đạt các tiêu chí huyện nông thôn mới cho huyện (bản chính - kèm theo biểu chi tiết thẩm tra mức độ đạt các tiêu chí huyện nông thôn mới).

2. Báo cáo..... tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức và nhân dân trên địa bàn tỉnh về kết quả thẩm tra mức độ đạt các tiêu chí huyện nông thôn mới cho huyện (bản chính).

3. Biên bản cuộc họp..... đề nghị xét công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính).

(Kèm theo bộ hồ sơ của UBND huyện trình UBND cấp tỉnh thẩm tra)

Kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, thẩm định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- .....
- .....
- Lưu: VT, .....

**TM. UBND TỈNH.....**

**CHỦ TỊCH**

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)



**Mẫu số 2.5**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH .....**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**TỜ TRÌNH**

**Về việc thẩm định, đề nghị xét công nhận tỉnh .....  
đạt chuẩn nông thôn mới năm .....**

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);  
Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);  
Căn cứ Báo cáo số ...../BC-UBND ngày ...../...../20..... của  
UBND tỉnh ..... về kết quả thực hiện các tiêu chí tỉnh nông thôn mới trên địa  
bàn tỉnh;

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày ...../...../20..... của UBND tỉnh .....  
đề nghị xét công nhận tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới.

UBND tỉnh ..... kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông  
thôn thẩm định, đề nghị xét công nhận tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới năm  
.....

Hồ sơ kèm theo Tờ trình, gồm có:

1. Tổng hợp danh sách các huyện đã đạt chuẩn nông thôn mới trên  
địa bàn tỉnh (bản chính).

2. Báo cáo..... kết quả thực hiện các tiêu chí tỉnh nông thôn mới  
(bản chính - kèm theo biểu chi tiết kết quả thực hiện các tiêu chí tỉnh nông  
thôn mới).

3. Báo cáo..... tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ  
chức và nhân dân trên địa bàn tỉnh về kết quả thực hiện các tiêu chí tỉnh  
nông thôn mới (bản chính).

4. Biên bản cuộc họp..... đề nghị xét công nhận tỉnh đạt chuẩn  
nông thôn mới (bản chính).

Kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, thẩm  
định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- .....
- .....
- Lưu: VT, .....

**TM. UBND TỈNH .....  
CHỦ TỊCH**

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)



**Phụ lục III**  
**MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ XÃ, HUYỆN,**  
**TỈNH NÔNG THÔN MỚI**

(Kèm theo Thông tư số: 40/2014/TT-BNNPTNT ngày 13/11/2014  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**Mẫu số 3.1**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**XÃ .....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:               /BC-UBND

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**BÁO CÁO**

**Kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới năm .....**  
**của xã ....., huyện ....., tỉnh .....**

**I. Khái quát quá trình chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã.**

**II. Căn cứ triển khai thực hiện**

Căn cứ các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương và của địa phương.

**III. Đặc điểm tình hình chung**

1. Nêu tóm tắt về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội..... của xã

2. Thuận lợi

3. Khó khăn

**IV. Kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng nông thôn mới**

**1. Công tác chỉ đạo, điều hành**

**2. Công tác truyền thông, đào tạo, tập huấn**

a) Công tác truyền thông.

b) Công tác đào tạo, tập huấn.

**3. Công tác phát triển sản xuất, ngành nghề, nâng cao thu nhập cho người dân**

a) Công tác phát triển sản xuất nông nghiệp.

b) Công tác phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn.

c) Kết quả nâng cao thu nhập, giảm nghèo cho người dân.

**4. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới**

Tổng kinh phí đã thực hiện: ..... triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương ..... triệu đồng, chiếm .....%;

- Ngân sách tỉnh ..... triệu đồng, chiếm .....%;

- Ngân sách huyện ..... triệu đồng, chiếm .....%;

- Ngân sách xã ..... triệu đồng, chiếm .....%;

- Vốn vay tín dụng ..... triệu đồng, chiếm .....%;



- Doanh nghiệp ..... triệu đồng, chiếm .....%;
- Nhân dân đóng góp ..... triệu đồng, chiếm .....%.

#### **V. Kết quả thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới**

Tổng số tiêu chí xã tổ chức tự đánh giá đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định là ...../.....(tổng số) tiêu chí, đạt .....%, cụ thể:

##### **1. Tiêu chí số ..... về .....**

a) Yêu cầu của tiêu chí: .....

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: .....

.....;

- Các nội dung đã thực hiện:.....

.....;

- Khối lượng thực hiện:.....

.....;

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): ..... triệu đồng.

c) Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí ..... (trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí).

##### **2. Tiêu chí số ..... về .....**

a) Yêu cầu của tiêu chí: .....

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: .....

.....;

- Các nội dung đã thực hiện:.....

.....;

- Khối lượng thực hiện:.....

.....;

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): ..... triệu đồng.

c) Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí ..... (trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí).

##### **n. Tiêu chí số ..... về .....**

.....

#### **VI. Đánh giá chung**

1. Những mặt đã làm được

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

3. Bài học kinh nghiệm

4. Đề xuất, kiến nghị

Nơi nhận:

- .....
- .....
- .....
- Lưu: VT, .....

TM. UBND XÃ .....

**CHỦ TỊCH**

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

*k*

# BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI

Xã ....., huyện ....., tỉnh .....

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày / /20.... của UBND xã .....)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của xã
I. QUY HOẠCH						
1	Quy hoạch và thực hiện quy hoạch	1.1. Quy hoạch sử dụng đất và hạ tầng thiết yếu cho phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hoá, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ		Đạt		
		1.2. Quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội - môi trường theo chuẩn mới		Đạt		
		1.3. Quy hoạch phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có theo hướng văn minh, bảo tồn được bản sắc văn hoá tốt đẹp		Đạt		
II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI						
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ km đường trục xã, liên xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT	%	100		
		2.2. Tỷ lệ km đường trục thôn, xóm được cứng hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT	%	Theo vùng		
		2.3. Tỷ lệ km đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa	%	Theo vùng		
		2.4. Tỷ lệ km đường trục chính nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện	%	Theo vùng		
3	Thủy lợi	3 1. Hệ thống thủy lợi cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất và dân sinh		Đạt		
		3.2. Tỷ lệ km trên mương do xã quản lý được kiên cố hóa	%	Theo vùng		
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện		Đạt		

		4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	%	Theo vùng		
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, THCS có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia	%	Theo vùng		
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Nhà văn hóa và khu thể thao xã đạt chuẩn của Bộ VH-TT-DL		Đạt		
		6.2. Tỷ lệ thôn có nhà văn hóa và khu thể thao thôn đạt quy định của Bộ VH-TT-DL	%	100		
7	Chợ nông thôn	Chợ theo quy hoạch đạt chuẩn theo quy định		Đạt		
8	Bưu điện	8.1. Có điểm phục vụ bưu chính viễn thông		Đạt		
		8.2. Có Internet đến thôn		Đạt		
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát		Không		
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn Bộ Xây dựng	%	Theo vùng		
III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT						
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn (triệu đồng/người/năm)	Triệu đồng	Theo vùng		
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo	%	Theo vùng		
12	Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên	Tỷ lệ người làm việc trên dân số trong độ tuổi lao động	%	Theo vùng		
13	Hình thức tổ chức sản xuất	Có tổ hợp tác hoặc hợp tác xã hoạt động có hiệu quả		Có		
IV. VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG						
14	Giáo dục	14.1. Phổ cập giáo dục trung học cơ sở		Đạt		
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề)	%	Theo vùng		
		14.3. Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	Theo vùng		

15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia Bảo hiểm y tế	%	Theo vùng		
		15.2. Y tế xã đạt chuẩn quốc gia		Đạt		
16	Văn hóa	Xã có từ 70% số thôn, bản trở lên đạt tiêu chuẩn làng văn hóa theo quy định của Bộ VH-TT-DL		Đạt		
17	Môi trường	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh theo quy chuẩn Quốc gia	%	Theo vùng		
		17.2. Các cơ sở SX-KD đạt tiêu chuẩn về môi trường		Đạt		
		17.3. Không có các hoạt động gây suy giảm môi trường và có các hoạt động phát triển môi trường xanh, sạch, đẹp		Đạt		
		17.4. Nghĩa trang được xây dựng theo quy hoạch		Đạt		
		17.5. Chất thải, nước thải được thu gom và xử lý theo quy định		Đạt		
V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ						
18	Hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh	18.1. Cán bộ xã đạt chuẩn		Đạt		
		18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định		Đạt		
		18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh"		Đạt		
		18.4. Các tổ chức đoàn thể chính trị của xã đều đạt danh hiệu tiên tiến trở lên		Đạt		
19	An ninh, trật tự xã hội	An ninh, trật tự xã hội được giữ vững		Đạt		

**Mẫu số 3.2**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN .....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-UBND

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**BÁO CÁO**

**Kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới năm .....  
của huyện ....., tỉnh .....**

**I. Khái quát quá trình chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện xây dựng huyện nông thôn mới**

**II. Căn cứ triển khai thực hiện xây dựng huyện nông thôn mới**

Căn cứ các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương và của địa phương.

**III. Đặc điểm tình hình chung**

1. Nêu tóm tắt về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội..... của huyện
2. Thuận lợi
3. Khó khăn

**IV. Kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng huyện nông thôn mới**

**1. Công tác chỉ đạo, điều hành**

**2. Công tác truyền thông, đào tạo, tập huấn**

a) Công tác truyền thông.

b) Công tác đào tạo, tập huấn.

**3. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện**

Tổng kinh phí đã thực hiện: ..... triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương ..... triệu đồng, chiếm .....%;
- Ngân sách tỉnh ..... triệu đồng, chiếm .....%;
- Ngân sách huyện ..... triệu đồng, chiếm .....%;
- Ngân sách xã ..... triệu đồng, chiếm .....%;
- Vốn vay tín dụng ..... triệu đồng, chiếm .....%;
- Doanh nghiệp ..... triệu đồng, chiếm .....%;
- Nhân dân đóng góp ..... triệu đồng, chiếm .....%.

**V. Kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới**

Tổng số xã trên địa bàn huyện là ..... xã.

1. Số xã đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định là ...../.....xã thuộc huyện, đạt .....%.

2. Số xã chưa đạt chuẩn nông thôn mới là ...../.....xã thuộc huyện, chiếm .....%, trong đó:

*(Chữ ký)*



- Số xã có ít nhất 14 tiêu chí trở lên đạt chuẩn nông thôn mới là ...../..... xã chưa đạt chuẩn nông thôn mới, chiếm .....% (các tiêu chí đạt chuẩn gồm: .....); các tiêu chí còn lại (gồm tiêu chí: ..... ) đạt .....% so với quy định.

- Số xã có dưới 14 tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới là ...../..... xã chưa đạt chuẩn nông thôn mới, chiếm .....%.

3. Kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới khác (nếu có)

a) Tiêu chí về .....

- Yêu cầu của tiêu chí: .....

- Kết quả thực hiện tiêu chí:

+ Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: .....

+ Các nội dung đã thực hiện: .....

+ Khối lượng thực hiện: .....

+ Kinh phí đã thực hiện (nếu có): ..... triệu đồng (trong đó: Ngân sách Trung ương ..... triệu đồng, chiếm .....%; Ngân sách tỉnh ..... triệu đồng, chiếm .....%; Ngân sách huyện ..... triệu đồng, chiếm .....%; .....).

- Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí ..... (trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí).

b) Tiêu chí về .....

- Yêu cầu của tiêu chí: .....

- Kết quả thực hiện tiêu chí:

+ Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: .....

+ Các nội dung đã thực hiện: .....

+ Khối lượng thực hiện: .....

+ Kinh phí đã thực hiện (nếu có): ..... triệu đồng (trong đó: Ngân sách Trung ương ..... triệu đồng, chiếm .....%; Ngân sách tỉnh ..... triệu đồng, chiếm .....%; Ngân sách huyện ..... triệu đồng, chiếm .....%; .....).

- Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí ..... (trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí).

c) Tiêu chí về .....

**VI. Đánh giá chung**

1. Những mặt đã làm được

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

3. Bài học kinh nghiệm

4. Đề xuất, kiến nghị

Nơi nhận:

- .....

- .....

- .....

- Lưu: VT, .....

TM. UBND HUYỆN .....

**CHỦ TỊCH**

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)



# BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN TIÊU CHÍ HUYỆN NÔNG THÔN MỚI

Huyện ....., tỉnh .....

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày / /20.... của UBND huyện .....

TT	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của huyện
1	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định	%	75		
2	Tỷ lệ xã chưa đạt chuẩn nông thôn mới phải đảm bảo các điều kiện sau:	%	25		
-	Số tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới (trong đó có 02 tiêu chí: Hộ nghèo và Thu nhập)	Tiêu chí	14		
-	Số tiêu chí còn lại phải đạt so với quy định	%	70		
3	Kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới khác (nếu có)				
-	.....				
-	.....				
-	.....				

2

### Mẫu số 3.3

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-UBND

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

## BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện các tiêu chí tỉnh nông thôn mới năm .....  
của tỉnh .....**

**I. Khái quát quá trình chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện xây dựng tỉnh nông thôn mới**

**II. Căn cứ triển khai thực hiện xây dựng tỉnh nông thôn mới**

Căn cứ các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương và của địa phương.

**III. Đặc điểm tình hình chung**

1. Nêu tóm tắt về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội.... của tỉnh

2. Thuận lợi

3. Khó khăn

**IV. Kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng tỉnh nông thôn mới**

**1. Công tác chỉ đạo, điều hành**

**2. Công tác truyền thông, đào tạo, tập huấn**

a) Công tác truyền thông.

b) Công tác đào tạo, tập huấn.

**3. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh**

Tổng kinh phí đã thực hiện: ..... triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương ..... triệu đồng, chiếm .....%;

- Ngân sách tỉnh ..... triệu đồng, chiếm .....%;

- Ngân sách huyện ..... triệu đồng, chiếm .....%;

- Ngân sách xã ..... triệu đồng, chiếm .....%;

- Vốn vay tín dụng ..... triệu đồng, chiếm .....%;

- Doanh nghiệp ..... triệu đồng, chiếm .....%;

- Nhân dân đóng góp ..... triệu đồng, chiếm .....%.

**V. Kết quả thực hiện các tiêu chí tỉnh nông thôn mới**

Tổng số huyện trên địa bàn tỉnh là ..... huyện.

1. Số huyện đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định là ...../.....huyện thuộc tỉnh, đạt .....%.

2. Số huyện chưa đạt chuẩn nông thôn mới là ...../.....huyện thuộc tỉnh, chiếm .....%, trong đó:

- Số huyện có ít nhất 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, các xã còn lại đạt từ 14 tiêu chí trở lên (trong đó có 02 tiêu chí: Hộ nghèo và Thu nhập) và các

tiêu chí còn lại đạt từ 70% trở lên so với quy định là ...../..... huyện chưa đạt chuẩn nông thôn mới, chiếm .....% (gồm các huyện: .....).

- Số huyện có dưới 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới là ...../..... huyện chưa đạt chuẩn nông thôn mới, chiếm .....%.

3. Kết quả thực hiện các tiêu chí tỉnh nông thôn mới khác (nếu có)

a) Tiêu chí về .....

- Yêu cầu của tiêu chí: .....

- Kết quả thực hiện tiêu chí:

+ Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: .....

+ Các nội dung đã thực hiện: .....

+ Khối lượng thực hiện: .....

+ Kinh phí đã thực hiện (nếu có): ..... triệu đồng (trong đó: Ngân sách Trung ương ..... triệu đồng, chiếm .....%; Ngân sách tỉnh ..... triệu đồng, chiếm .....%; .....).

- Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí ..... (trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí).

b) Tiêu chí về .....

- Yêu cầu của tiêu chí: .....

- Kết quả thực hiện tiêu chí:

+ Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: .....

+ Các nội dung đã thực hiện: .....

+ Khối lượng thực hiện: .....

+ Kinh phí đã thực hiện (nếu có): ..... triệu đồng (trong đó: Ngân sách Trung ương ..... triệu đồng, chiếm .....%; Ngân sách tỉnh ..... triệu đồng, chiếm .....%; .....).

- Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí ..... (trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí).

c) Tiêu chí về .....

**VI. Đánh giá chung**

1. Những mặt đã làm được

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

3. Bài học kinh nghiệm

4. Đề xuất, kiến nghị

**Nơi nhận:**

- .....

- .....

- .....

- Lưu: VT, .....

TM. UBND TỈNH .....

**CHỦ TỊCH**

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

*(Chữ ký)*

# BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN TIÊU CHÍ TỈNH NÔNG THÔN MỚI

Tỉnh .....

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày / /20..... của UBND tỉnh .....)

TT	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của tỉnh
1	Tỷ lệ huyện đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định	%	80		
2	Tỷ lệ huyện chưa đạt chuẩn nông thôn mới phải đảm bảo các điều kiện sau:	%	20		
-	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	50		
-	Số xã còn lại phải đạt các tiêu chí nông thôn mới (trong đó có 02 tiêu chí: Hộ nghèo và Thu nhập)	Tiêu chí	14		
-	Các tiêu chí còn lại phải đạt so với quy định	%	70		
3	Kết quả thực hiện các tiêu chí tỉnh nông thôn mới khác (nếu có)				
-	.....				
-	.....				
-	.....				

2

**Phụ lục IV**  
**MẪU BÁO CÁO TỔNG HỢP Ý KIẾN THAM GIA VÀO KẾT QUẢ**  
**THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ, XÃ, HUYỆN, TỈNH NÔNG THÔN MỚI**  
(Kèm theo Thông tư số: 40/2014/TT-BNNPTNT ngày 13/11/2014  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**Mẫu số 4.1**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**XÃ .....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:           /BC-UBND

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**BÁO CÁO**

**Tổng hợp ý kiến tham gia vào kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới**  
**năm ..... của xã ....., huyện ....., tỉnh .....**

**I. Tóm tắt quá trình UBND xã tổ chức lấy ý kiến tham gia**

- .....
- .....

**II. Kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới của xã**

Tổng số tiêu chí xã tổ chức tự đánh giá đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định tính đến năm ..... là ...../.....(tổng số) tiêu chí, đạt .....%.

**III. Ý kiến tham gia vào kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn xã**

1. Ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc xã và các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc xã

- Hình thức tham gia ý kiến: .....
- Ý kiến tham gia: .....
- Đề xuất, kiến nghị (nếu có): .....

2. Ý kiến tham gia của các tổ chức khác trên địa bàn xã (doanh nghiệp, hợp tác xã, ....)

- Hình thức tham gia ý kiến: .....
- Ý kiến tham gia: .....
- Đề xuất, kiến nghị (nếu có): .....

3. Ý kiến tham gia của nhân dân trên địa bàn xã

*[Chữ ký]*

- Số thôn đã tổ chức họp dân để lấy ý kiến nhân dân là ...../tổng số thôn trên địa bàn xã, chiếm .....%. Đại diện số hộ dân đã dự họp tại các cuộc họp thôn/tổng số hộ dân trên địa bàn xã, chiếm .....%.

- Ý kiến tham gia: .....

- Đại diện số hộ dân trong xã đồng ý với kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới của xã là ...../..... đại diện số hộ dân đã dự họp tại các cuộc họp thôn, chiếm .....%.

- Đề xuất, kiến nghị (nếu có): .....

#### **IV. Kết quả tiếp thu ý kiến tham gia, giải trình của UBND xã**

- .....

- .....

#### **Nơi nhận:**

- .....
- .....
- .....
- Lưu: VT, .....

**TM. UBND XÃ .....**

**CHỦ TỊCH**

*(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

*h*

**Mẫu số 4.2**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN .....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-UBND

....., ngày .... tháng .... năm .....

**BÁO CÁO**

**Tổng hợp ý kiến tham gia về kết quả thực hiện các tiêu chí  
huyện nông thôn mới năm ..... của huyện ....., tỉnh .....**

**I. Tóm tắt quá trình UBND huyện tổ chức lấy ý kiến tham gia**

- .....  
- .....

**II. Ý kiến tham gia về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới  
trên địa bàn huyện**

1. Ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc huyện và các tổ chức thành viên  
của Mặt trận Tổ quốc huyện

- Hình thức tham gia ý kiến: .....
- Ý kiến tham gia: .....
- Đề xuất, kiến nghị (nếu có): .....

2. Ý kiến tham gia của UBND các xã trên địa bàn huyện

- Hình thức tham gia ý kiến: .....
- Ý kiến tham gia: .....
- Đề xuất, kiến nghị (nếu có): .....

3. Ý kiến tham gia của các đơn vị, tổ chức khác trên địa bàn huyện (tên  
đơn vị, tổ chức: .....)

- Hình thức tham gia ý kiến: .....
- Ý kiến tham gia: .....
- Đề xuất, kiến nghị (nếu có): .....

4. Ý kiến tham gia của nhân dân trên địa bàn huyện

- Hình thức tham gia ý kiến: .....
- Ý kiến tham gia: .....
- Đề xuất, kiến nghị (nếu có): .....

**III. Kết quả tiếp thu ý kiến tham gia, giải trình của UBND huyện**

- .....  
- .....  
- .....

**Nơi nhận:**

- .....
- .....
- .....
- Lưu: VT, .....

**TM. UBND HUYỆN .....**

**CHỦ TỊCH**

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

*h*



**Mẫu số 4.3**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH .....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-UBND

....., ngày .... tháng .... năm .....

**BÁO CÁO**

**Tổng hợp ý kiến tham gia về kết quả thực hiện các tiêu chí  
tỉnh nông thôn mới năm ..... của tỉnh .....**

**I. Tóm tắt quá trình UBND tỉnh tổ chức lấy ý kiến tham gia**

- .....
- .....

**II. Ý kiến tham gia về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới  
trên địa bàn tỉnh**

1. Ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức thành viên  
của Mặt trận Tổ quốc tỉnh

- Hình thức tham gia ý kiến: .....
- Ý kiến tham gia: .....
- Đề xuất, kiến nghị (nếu có): .....

2. Ý kiến tham gia của UBND các huyện trên địa bàn tỉnh

- Hình thức tham gia ý kiến: .....
- Ý kiến tham gia: .....
- Đề xuất, kiến nghị (nếu có): .....

3. Ý kiến tham gia của các đơn vị, tổ chức khác trên địa bàn tỉnh (tên đơn  
vị, tổ chức: .....) )

- Hình thức tham gia ý kiến: .....
- Ý kiến tham gia: .....
- Đề xuất, kiến nghị (nếu có): .....

4. Ý kiến tham gia của nhân dân trên địa bàn tỉnh

- Hình thức tham gia ý kiến: .....
- Ý kiến tham gia: .....
- Đề xuất, kiến nghị (nếu có): .....

**III. Kết quả tiếp thu ý kiến tham gia, giải trình của UBND tỉnh**

- .....
- .....

**Nơi nhận:**

- .....
- Lưu: VT, .....

**TM. UBND TỈNH .....**

**CHỦ TỊCH**

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

*h*

**Phụ lục V**  
**MẪU BIÊN BẢN HỌP ĐỀ NGHỊ XÉT CÔNG NHẬN XÃ, HUYỆN, TỈNH**  
**ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI**

*(Kèm theo Thông tư số: 40/2014/TT-BNNPTNT ngày 13/11/2014  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**Mẫu số 5.1**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**XÃ .....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**BIÊN BẢN**  
**Họp đề nghị xét công nhận xã ..... đạt chuẩn**  
**nông thôn mới năm .....**

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Căn cứ Báo cáo số ..... ngày ...../...../..... của UBND xã ..... về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn xã và Báo cáo ..... ngày ...../...../..... của UBND xã ..... tổng hợp ý kiến tham gia của các tổ chức, đoàn thể xã và nhân dân trong xã về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới của xã.

Hôm nay, vào hồi ..... giờ ..... phút ngày ...../...../..... tại ....., UBND xã ..... (huyện ....., tỉnh ..... ) tổ chức họp đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, cụ thể như sau:

**I. THÀNH PHẦN THAM GIA CUỘC HỌP, GỒM CÓ:**

- Ông (bà): ..... - Chức vụ, đơn vị công tác - Chủ trì cuộc họp;
- Ông (bà): ..... - Chức vụ, đơn vị công tác;
- .....
- Ông (bà): ..... - Chức vụ, đơn vị công tác - Thư ký cuộc họp.

**II. NỘI DUNG CUỘC HỌP**

- Ý kiến phát biểu thảo luận của các thành viên tham dự cuộc họp về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn xã.

- .....

- .....

t

- Kết quả bỏ phiếu: số thành viên tham dự cuộc họp nhất trí đề nghị xét công nhận xã ..... đạt chuẩn nông thôn mới năm ..... là ...../tổng số..... thành viên tham dự cuộc họp, đạt .....%.

Biên bản kết thúc hồi ..... giờ ..... phút ngày ...../...../....., đã (hay chưa?) thông qua cho các thành viên tham dự cuộc họp cùng nghe và nhất trí .....%.

Biên bản này được lập thành ..... bản có giá trị pháp lý như nhau: UBND xã lưu ..... bản; để làm hồ sơ đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới gửi UBND huyện ..... bản./.

**THƯ KÝ CUỘC HỌP**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**CHỦ TRÌ CUỘC HỌP**

*(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

*k*

**Mẫu số 5.2**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**HUYỆN .....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**BIÊN BẢN**

**Họp đề nghị xét công nhận xã ..... đạt chuẩn**  
**nông thôn mới năm .....**

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Căn cứ Báo cáo số ..... ngày ...../...../..... của UBND huyện ..... về  
thẩm tra hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới cho xã ..... năm  
..... và Báo cáo ..... ngày ...../...../..... của UBND huyện ..... tổng hợp ý  
kiến tham gia về kết quả thẩm tra các tiêu chí nông thôn mới năm ..... cho xã  
.....

Hôm nay, vào hồi ..... giờ ..... phút ngày ...../...../..... tại  
....., UBND huyện ..... (tỉnh .....) tổ chức họp đề nghị xét  
công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, cụ thể như sau:

**I. THÀNH PHẦN THAM GIA CUỘC HỌP, GỒM CÓ:**

- Ông (bà): ..... - Chức vụ, đơn vị công tác - Chủ trì cuộc họp;

- Ông (bà): ..... - Chức vụ, đơn vị công tác;

- .....

- Ông (bà): ..... - Chức vụ, đơn vị công tác - Thư ký cuộc họp.

**II. NỘI DUNG CUỘC HỌP**

- Ý kiến phát biểu thảo luận của các thành viên tham dự cuộc họp về đề  
nghị xét công nhận xã ..... đạt chuẩn nông thôn mới.

- .....

- Kết quả bỏ phiếu: số thành viên tham dự cuộc họp nhất trí đề nghị xét  
công nhận xã ..... đạt chuẩn nông thôn mới năm ..... là ...../tổng số.....  
thành viên tham dự cuộc họp, đạt .....%.

Biên bản kết thúc hồi ..... giờ ..... phút ngày ...../...../....., đã (hay  
chưa?) thông qua cho các thành viên tham dự cuộc họp cùng nghe và nhất trí  
.....%.

Biên bản này được lập thành ..... bản có giá trị pháp lý như nhau: UBND  
huyện lưu ..... bản; để làm hồ sơ đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn nông  
thôn mới gửi UBND tỉnh ..... bản./.

**THƯ KÝ CUỘC HỌP**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**CHỦ TRÌ CUỘC HỌP**

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**Mẫu số 5.3**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN .....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**BIÊN BẢN**

**Họp đề nghị xét công nhận huyện ..... đạt chuẩn  
nông thôn mới năm .....**

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Căn cứ Báo cáo số ..... ngày ...../...../..... của UBND huyện ..... về kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới và Báo cáo số ..... ngày ...../...../..... của UBND huyện ..... tổng hợp ý kiến tham gia về kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới.

Hôm nay, vào hồi ..... giờ ..... phút ngày ...../...../..... tại ....., UBND huyện ..... (tỉnh ..... ) tổ chức họp đề nghị xét công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới, cụ thể như sau:

**I. THÀNH PHẦN THAM GIA CUỘC HỌP, GỒM CÓ:**

- Ông (bà): ..... - Chức vụ, đơn vị công tác - Chủ trì cuộc họp;

- Ông (bà): ..... - Chức vụ, đơn vị công tác;

- .....

- Ông (bà): ..... - Chức vụ, đơn vị công tác - Thư ký cuộc họp.

**II. NỘI DUNG CUỘC HỌP**

- Ý kiến phát biểu thảo luận của các thành viên tham dự cuộc họp về kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới.

- .....

- Kết quả bỏ phiếu: số thành viên tham dự cuộc họp nhất trí đề nghị xét công nhận huyện ..... đạt chuẩn nông thôn mới năm ..... là ...../tổng số..... thành viên tham dự cuộc họp, đạt .....%.

Biên bản kết thúc hồi ..... giờ ..... phút ngày ...../...../....., đã (hay chưa?) thông qua cho các thành viên tham dự cuộc họp cùng nghe và nhất trí .....%.

Biên bản này được lập thành ..... bản có giá trị pháp lý như nhau: UBND huyện lưu ..... bản; để làm hồ sơ đề nghị xét công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới gửi UBND tỉnh ..... bản./.

**THƯ KÝ CUỘC HỌP**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**CHỦ TRÌ CUỘC HỌP**

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

*[Chữ ký]*

**Mẫu số 5.4**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**TỈNH .....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**BIÊN BẢN**

**Họp đề nghị xét công nhận huyện ..... đạt chuẩn**  
**nông thôn mới năm .....**

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Căn cứ Báo cáo số ..... ngày ...../...../..... của UBND tỉnh ..... về  
thẩm tra hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới cho huyện  
..... năm ..... và Báo cáo ..... ngày ...../...../..... của UBND tỉnh .....  
tổng hợp ý kiến tham gia về kết quả thẩm tra các tiêu chí huyện nông thôn mới  
năm ..... cho huyện .....

Hôm nay, vào hồi ..... giờ ..... phút ngày ...../...../..... tại  
....., UBND tỉnh ..... tổ chức họp đề nghị xét công nhận huyện  
đạt chuẩn nông thôn mới, cụ thể như sau:

**I. THÀNH PHẦN THAM GIA CUỘC HỌP, GỒM CÓ:**

- Ông (bà): ..... - Chức vụ, đơn vị công tác - Chủ trì cuộc họp;

- Ông (bà): ..... - Chức vụ, đơn vị công tác;

- .....

- Ông (bà): ..... - Chức vụ, đơn vị công tác - Thư ký cuộc họp.

**II. NỘI DUNG CUỘC HỌP**

- Ý kiến phát biểu thảo luận của các thành viên tham dự cuộc họp về đề  
nghị xét công nhận huyện ..... đạt chuẩn nông thôn mới.

- .....

- Kết quả bỏ phiếu: số thành viên tham dự cuộc họp nhất trí đề nghị xét  
công nhận huyện ..... đạt chuẩn nông thôn mới năm ..... là ...../tổng số.....  
thành viên tham dự cuộc họp, đạt .....%.

Biên bản kết thúc hồi ..... giờ ..... phút ngày ...../...../....., đã (hay chưa?)  
thông qua cho các thành viên tham dự cuộc họp cùng nghe và nhất trí .....%.

Biên bản này được lập thành ..... bản có giá trị pháp lý như nhau: UBND  
tỉnh lưu ..... bản; để làm hồ sơ đề nghị xét công nhận huyện đạt chuẩn nông  
thôn mới gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ..... bản./.

**THƯ KÝ CUỘC HỌP**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**CHỦ TRÌ CUỘC HỌP**  
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

*te*

**Mẫu số 5.5**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH .....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**BIÊN BẢN**

**Họp đề nghị xét công nhận tỉnh ..... đạt chuẩn  
nông thôn mới năm .....**

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Căn cứ Báo cáo số ..... ngày ...../...../..... của UBND tỉnh ..... về kết quả thực hiện các tiêu chí tỉnh nông thôn mới và Báo cáo số ..... ngày ...../...../..... của UBND tỉnh ..... tổng hợp ý kiến tham gia về kết quả thực hiện các tiêu chí tỉnh nông thôn mới.

Hôm nay, vào hồi ..... giờ ..... phút ngày ...../...../..... tại ....., UBND tỉnh ..... tổ chức họp đề nghị xét công nhận tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới, cụ thể như sau:

**I. THÀNH PHẦN THAM GIA CUỘC HỌP, GỒM CÓ:**

- Ông (bà): ..... - Chức vụ, đơn vị công tác - Chủ trì cuộc họp;

- Ông (bà): ..... - Chức vụ, đơn vị công tác;

- .....

- Ông (bà): ..... - Chức vụ, đơn vị công tác - Thư ký cuộc họp.

**II. NỘI DUNG CUỘC HỌP**

- Ý kiến phát biểu thảo luận của các thành viên tham dự cuộc họp về kết quả thực hiện các tiêu chí tỉnh nông thôn mới.

- .....

- Kết quả bỏ phiếu: số thành viên tham dự cuộc họp nhất trí đề nghị xét công nhận tỉnh ..... đạt chuẩn nông thôn mới năm ..... là ...../tổng số..... thành viên tham dự cuộc họp, đạt .....%.

Biên bản kết thúc hồi ..... giờ ..... phút ngày ...../...../....., đã (hay chưa?) thông qua cho các thành viên tham dự cuộc họp cùng nghe và nhất trí .....%.

Biên bản này được lập thành ..... bản có giá trị pháp lý như nhau: UBND tỉnh lưu ..... bản; để làm hồ sơ đề nghị xét công nhận tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ..... bản./.

**THƯ KÝ CUỘC HỌP**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**CHỦ TRÌ CUỘC HỌP**

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**Phụ lục VI**  
**MẪU BÁO CÁO THẨM TRA XÃ, HUYỆN ĐẠT CHUẨN**  
**NÔNG THÔN MỚI**  
(Kèm theo Thông tư số: 40/2014/TT-BNNPTNT ngày 13/11/2014  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**Mẫu số 6.1**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**HUYỆN .....**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:           /BC-UBND           ....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**BÁO CÁO**  
**Thẩm tra hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí**  
**nông thôn mới cho xã ..... năm .....**

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Căn cứ đề nghị của UBND xã ..... tại Tờ trình số ...../TTr-UBND ngày ...../...../..... về việc thẩm tra, xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới năm .....

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn xã, UBND huyện ..... báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và thực hiện các tiêu chí nông thôn mới cho xã ..... năm ..... cụ thể như sau:

**I. KẾT QUẢ THẨM TRA**

Thời gian thẩm tra (từ ngày ...../...../..... đến ngày ...../...../.....):

**1. Về hồ sơ**

**2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới**

**2.1. Tiêu chí số ..... về .....**

a) Yêu cầu của tiêu chí: .....

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: .....

.....;

- Các nội dung đã thực hiện:.....

.....;

*h*



- Khối lượng thực hiện:.....

.....;

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí ..... (trên cơ sở kết quả thẩm tra so với yêu cầu của tiêu chí).

## **2.2. Tiêu chí số ..... về .....**

a) Yêu cầu của tiêu chí: .....

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: .....

.....;

- Các nội dung đã thực hiện:.....

.....;

- Khối lượng thực hiện:.....

.....;

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí ..... (trên cơ sở kết quả thẩm tra so với yêu cầu của tiêu chí).

## **n. Tiêu chí số ..... về .....**

.....

## **II. KẾT LUẬN**

### **1. Về hồ sơ**

### **2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới**

- Tổng số tiêu chí nông thôn mới của xã ..... đã được UBND huyện ..... thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới tính đến thời điểm thẩm tra là: ...../19 tiêu chí, đạt .....%.

- .....

## **III. KIẾN NGHỊ**

..... /.

**Nơi nhận:**

- .....
- .....
- .....
- Lưu: VT, .....

**TM. UBND HUYỆN .....**

**CHỦ TỊCH**

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

*h*

# BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM TRA CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI

của xã ....., huyện ....., tỉnh .....

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày / /20.... của UBND huyện ... ..)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện
I. QUY HOẠCH						
1	Quy hoạch và thực hiện quy hoạch	1.1. Quy hoạch sử dụng đất và hạ tầng thiết yếu cho phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hoá, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ		Đạt		
		1.2. Quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội - môi trường theo chuẩn mới		Đạt		
		1.3. Quy hoạch phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có theo hướng văn minh, bảo tồn được bản sắc văn hoá tốt đẹp		Đạt		
II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI						
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ km đường trục xã, liên xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT	%	100		
		2.2. Tỷ lệ km đường trục thôn, xóm được cứng hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT	%	Theo vùng		
		2.3. Tỷ lệ km đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa	%	Theo vùng		
		2.4. Tỷ lệ km đường trục chính nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện	%	Theo vùng		
3	Thủy lợi	3.1. Hệ thống thủy lợi cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất và dân sinh		Đạt		
		3.2. Tỷ lệ km trên mương do xã quản lý được kiên cố hóa	%	Theo vùng		
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện		Đạt		

		4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	%	Theo vùng		
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, THCS có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia	%	Theo vùng		
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Nhà văn hóa và khu thể thao xã đạt chuẩn của Bộ VH-TT-DL		Đạt		
		6.2. Tỷ lệ thôn có nhà văn hóa và khu thể thao thôn đạt quy định của Bộ VH-TT-DL	%	100		
7	Chợ nông thôn	Chợ theo quy hoạch đạt chuẩn theo quy định		Đạt		
8	Bưu điện	8.1. Có điểm phục vụ bưu chính viễn thông		Đạt		
		8.2. Có Internet đến thôn		Đạt		
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát		Không		
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn Bộ Xây dựng	%	Theo vùng		
III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT						
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn (triệu đồng/người/năm)	Triệu đồng	Theo vùng		
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo	%	Theo vùng		
12	Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên	Tỷ lệ người làm việc trên dân số trong độ tuổi lao động	%	Theo vùng		
13	Hình thức tổ chức sản xuất	Có tổ hợp tác hoặc hợp tác xã hoạt động có hiệu quả		Có		
IV. VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG						
14	Giáo dục	14.1. Phổ cập giáo dục trung học cơ sở		Đạt		
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề)	%	Theo vùng		
		14.3. Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	Theo vùng		

15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia Bảo hiểm y tế	%	Theo vùng		
		15.2. Y tế xã đạt chuẩn quốc gia		Đạt		
16	Văn hóa	Xã có từ 70% số thôn, bản trở lên đạt tiêu chuẩn làng văn hóa theo quy định của Bộ VH-TT-DL		Đạt		
17	Môi trường	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh theo quy chuẩn Quốc gia	%	Theo vùng		
		17.2. Các cơ sở SX-KD đạt tiêu chuẩn về môi trường		Đạt		
		17.3. Không có các hoạt động gây suy giảm môi trường và có các hoạt động phát triển môi trường xanh, sạch, đẹp		Đạt		
		17.4. Nghĩa trang được xây dựng theo quy hoạch		Đạt		
		17.5. Chất thải, nước thải được thu gom và xử lý theo quy định		Đạt		
V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ						
18	Hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh	18.1. Cán bộ xã đạt chuẩn		Đạt		
		18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định		Đạt		
		18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh"		Đạt		
		18.4. Các tổ chức đoàn thể chính trị của xã đều đạt danh hiệu tiên tiến trở lên		Đạt		
19	An ninh, trật tự xã hội	An ninh, trật tự xã hội được giữ vững		Đạt		

2

## Mẫu số 6.2

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-UBND ..... , ngày ..... tháng ..... năm 20.....

### **BÁO CÁO** **Về việc thẩm tra hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí** **nông thôn mới cho huyện ..... năm .....**

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Căn cứ đề nghị của UBND huyện ..... tại Tờ trình số ...../TTr-UBND ngày ...../...../..... về việc thẩm tra, xét công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới năm .....

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt các tiêu chí huyện nông thôn mới, UBND tỉnh ..... báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới cho huyện ..... năm ..... cụ thể như sau:

#### **I. KẾT QUẢ THẨM TRA**

Thời gian thẩm tra (từ ngày ...../...../..... đến ngày ...../...../.....):

##### **1. Về hồ sơ**

##### **2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới**

2.1. Số xã đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định là ...../tổng số xã, đạt .....%.

2.2. Số xã chưa đạt chuẩn nông thôn mới là ...../tổng số xã, chiếm .....%; bao gồm:

- Số xã có ít nhất 14 tiêu chí trở lên đạt chuẩn nông thôn mới là ...../..... xã chưa đạt chuẩn nông thôn mới (các tiêu chí đạt chuẩn gồm: .....); các tiêu chí còn lại (gồm tiêu chí: ..... ) đạt .....% trở lên so với quy định.

- Số xã có dưới 14 tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới là ...../..... xã chưa đạt chuẩn nông thôn mới (các tiêu chí đạt chuẩn gồm: .....); các tiêu chí còn lại (gồm tiêu chí: ..... ) đạt .....% so với quy định.

##### **2.3. Kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới khác (nếu có)**

a) Tiêu chí về .....

- Yêu cầu của tiêu chí: .....

*1*

- Kết quả thực hiện tiêu chí:
- + Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: .....
- + Các nội dung đã thực hiện: .....
- + Khối lượng thực hiện: .....
- Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí ..... (trên cơ sở kết quả thẩm tra so với yêu cầu của tiêu chí).

b) Tiêu chí về .....

- Yêu cầu của tiêu chí: .....
- Kết quả thực hiện tiêu chí:
- + Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: .....
- + Các nội dung đã thực hiện: .....
- + Khối lượng thực hiện: .....
- Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí ..... (trên cơ sở kết quả thẩm tra so với yêu cầu của tiêu chí).

c) Tiêu chí về .....

## **II. KẾT LUẬN**

### **1. Về hồ sơ**

- .....

### **2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới**

- .....

## **III. KIẾN NGHỊ**

..... /.

### **Nơi nhận:**

- .....
- .....
- .....
- Lưu: VT, .....

**TM. UBND TỈNH .....**

**CHỦ TỊCH**

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

2

# BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM TRA CÁC TIÊU CHÍ HUYỆN NÔNG THÔN MỚI

của huyện ....., tỉnh .....

(Kèm theo Báo cáo số:     /BC-UBND ngày     /     /20..... của UBND  
tỉnh .....)

TT	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của huyện	Kết quả thẩm tra của tỉnh
1	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định	%	75		
2	Tỷ lệ xã chưa đạt chuẩn nông thôn mới phải đảm bảo các điều kiện sau:	%	25		
-	Số tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới (trong đó có 02 tiêu chí: Hộ nghèo và Thu nhập)	Tiêu chí	14		
-	Số tiêu chí còn lại phải đạt so với quy định	%	70		
3	Kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới khác (nếu có)				
-	.....				
-	.....				
-	.....				

2

**Phụ lục VII**  
**MẪU BÁO CÁO TỔNG HỢP Ý KIẾN THAM GIA VÀO KẾT QUẢ**  
**THẨM TRA MỨC ĐỘ ĐẠT CÁC TIÊU CHÍ XÃ, HUYỆN**  
**NÔNG THÔN MỚI**

(Kèm theo Thông tư số: 40/2014/TT-BNNPTNT ngày 13/11/2014  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**Mẫu số 7.1**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**HUYỆN .....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-UBND

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**BÁO CÁO**

**Tổng hợp ý kiến tham gia vào kết quả thẩm tra các tiêu chí nông thôn mới**  
**đến năm ..... cho xã ....., huyện ....., tỉnh .....**

**I. Tóm tắt quá trình UBND huyện tổ chức lấy ý kiến tham gia**

- .....  
- .....

**II. Ý kiến tham gia vào kết quả thẩm tra các tiêu chí nông thôn mới cho xã**

1. Ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc huyện và các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc huyện

- Hình thức tham gia ý kiến: .....
- Ý kiến tham gia: .....
- Đề xuất, kiến nghị (nếu có): .....

2. Ý kiến tham gia của UBND các xã trên địa bàn huyện

- Hình thức tham gia ý kiến: .....
- Ý kiến tham gia: .....
- Đề xuất, kiến nghị (nếu có): .....

3. Ý kiến tham gia của nhân dân trên địa bàn huyện (nếu có)

- Hình thức tham gia ý kiến: .....
- Ý kiến tham gia: .....
- Đề xuất, kiến nghị: .....

**III. Kết quả tiếp thu ý kiến tham gia, giải trình của UBND huyện**

- .....  
- .....

**Nơi nhận:**

- .....
- Lưu: VT, .....

**TM. UBND HUYỆN .....**

**CHỦ TỊCH**

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

✍



**Mẫu số 7.2**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH .....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-UBND

....., ngày .... tháng .... năm .....

**BÁO CÁO**

**Tổng hợp ý kiến tham gia vào kết quả thẩm tra các tiêu chí huyện nông  
thôn mới năm ..... cho huyện ....., tỉnh .....**

**I. Tóm tắt quá trình UBND tỉnh tổ chức lấy ý kiến tham gia**

- .....

- .....

**II. Ý kiến tham gia vào kết quả thẩm tra các tiêu chí huyện nông thôn mới**

1. Ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc tỉnh

- Hình thức tham gia ý kiến: .....

- Ý kiến tham gia: .....

- Đề xuất, kiến nghị (nếu có): .....

2. Ý kiến tham gia của UBND các huyện trên địa bàn tỉnh

- Hình thức tham gia ý kiến: .....

- Ý kiến tham gia: .....

- Đề xuất, kiến nghị (nếu có): .....

3. Ý kiến tham gia của nhân dân trên địa bàn tỉnh (nếu có)

- Hình thức tham gia ý kiến: .....

- Ý kiến tham gia: .....

- Đề xuất, kiến nghị: .....

**III. Kết quả tiếp thu ý kiến tham gia, giải trình của UBND tỉnh**

.....

**Nơi nhận:**

- .....
- .....
- .....
- Lưu: VT, .....

**TM. UBND TỈNH .....**

**CHỦ TỊCH**

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

*l*

**Phụ lục VIII**  
**MẪU TỔNG HỢP DANH SÁCH XÃ, HUYỆN ĐÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN**

(Kèm theo Thông tư số: 40/2014/TT-BNNPTNT ngày 13/11/2014  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**Mẫu số 8.1**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**HUYỆN .....**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**DANH SÁCH CÁC XÃ ĐÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI**  
**thuộc huyện ....., tỉnh .....**

TT	Tên xã đã đạt chuẩn nông thôn mới	Năm được công nhận	Số, ký hiệu, ngày tháng của Quyết định công nhận	Cấp ban hành Quyết định	Trích yếu nội dung Quyết định	Năm công bố xã đạt chuẩn NTM	Ghi chú
1	Xã .....						
2	Xã .....						
...	.....						
...	.....						
...	.....						
	<b>Tổng số: ....xã đạt chuẩn/tổng số ....xã thuộc huyện, đạt ....%</b>						

**NGƯỜI LẬP DANH SÁCH**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**TM. UBND HUYỆN .....**  
**CHỦ TỊCH**  
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 8.2

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**DANH SÁCH CÁC HUYỆN ĐÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI**  
thuộc tỉnh .....

TT	Tên huyện đã đạt chuẩn nông thôn mới	Năm được công nhận	Số, ký hiệu, ngày tháng của Quyết định công nhận	Cấp ban hành Quyết định	Trích yếu nội dung Quyết định	Năm công bố huyện đạt chuẩn NTM	Ghi chú
1	Huyện .....						
2	Huyện .....						
...	.....						
...	.....						
...	.....						
	<b>Tổng số: ....huyện đạt chuẩn/tổng số .....huyện thuộc tỉnh, đạt .....%</b>						

**NGƯỜI LẬP DANH SÁCH**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**TM. UBND TỈNH .....**  
**CHỦ TỊCH**  
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

